

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN LÚC
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 08-03-2019
“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LÚC, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Miên.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Sáu.

Ông **Đào Bá Lộc**.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thanh Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Phát - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 03 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 691/2018/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2018, về việc “Tranh chấp ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Như N, sinh năm 1985;

HKTT: Số 624/53 tổ 2, khu phố 1, phường P, Quận 9, Thành phố H.

Địa chỉ hiện nay: Số 65 đường T, khu phố 1, phường H, Quận 9, Thành phố H. (Có yêu cầu giải quyết vụ án vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Võ Quang P, sinh năm 1980;

Địa chỉ : Số 83/1 ấp 1B, xã A, huyện B, tỉnh L. (Có yêu cầu giải quyết vụ án vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 13-12-2018 và các lời trình bày trong các Biên bản tại Tòa án, nguyên đơn Lê Thị Như N trình bày:

Do được mai mối, bà Lê Thị Như N và ông Võ Quang P tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại UBND phường Phước Long B, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 07/8/2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc và phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình và quan điểm sống không hợp nhau, ông P hay ghen vô cớ, kiểm chuyện cãi vã và đánh bà N. Vợ chồng thường xuyên cãi vã lẫn nhau và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Bà N và ông P đã ly thân từ tháng 6/2018 đến nay. Mặc dù đã ly thân nhưng ông P vẫn nhiều lần đến đập cửa kính nơi bà N sống và gây rối cho bà và gia đình nhiều lần.

Nay xét thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà N khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Võ Quang P.

Quá trình sống chung bà N và ông P không có con chung, không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bà N đề nghị Toà án giải quyết vụ án vắng mặt bà.

Tại Biên bản lấy lời khai đương sự ngày 30/01/2019, ông Võ Quang P trình bày:

Do quen biết và được gia đình hai bên đồng ý nên ông P và bà N đã xác lập quan hệ vợ chồng, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND phường Phước Long B, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh vào năm 2017. Sau khi cưới, vợ chồng tạm trú tại Thủ Đức để làm việc. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 6/2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông P phát hiện bà N có quan hệ tình cảm với hai người đàn ông khác nên ông P yêu cầu bà N chấm dứt tình cảm với hai người đó nhưng bà N không đồng ý dẫn đến vợ chồng cự cãi nhau. Do không thể tiếp tục chung sống nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 7/2018 đến nay. Tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên ông P đồng ý ly hôn với bà N. Quá trình sống chung không có con chung, nợ chung. Về tài sản chung vợ chồng sẽ tự giải quyết, không yêu cầu Toà án giải quyết. Ngoài ra ông P có yêu cầu Toà án giải quyết vụ án vắng mặt ông.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về chấp hành pháp luật: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Xét thấy bà N yêu cầu ly hôn và ông P cũng đồng ý nên đề nghị Toà án công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Lê Thị Như N và ông Võ Quang P. Về con chung, tài sản chung và nợ chung các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Lê Thị Như N yêu cầu ly hôn với ông Võ Quang P. Căn cứ Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “Ly hôn” và thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

[2] Bà Lê Thị Như N và ông Võ Quang P đều có yêu cầu giải quyết vụ án vắng mặt. Căn cứ Điều 207 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt bà N và ông P.

[3] Về nội dung:

[4] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa bà Lê Thị Như N và ông Võ Quang P là hợp pháp. Quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn nên bà N yêu cầu ly hôn với ông P. Ông P cũng xác định mâu thuẫn vợ chồng là trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài nên đồng ý ly hôn với bà N. Xét thấy hai bên tự nguyện ly hôn nên Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[5] Về con chung: Bà N và ông P đều xác định hai vợ chồng không có con chung.

[6] Về tài sản chung: Bà N xác định vợ chồng không có tài sản chung, ông P không yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên Tòa án không xem xét giải quyết. Nếu có tranh chấp thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác khi có đơn yêu cầu.

[7] Về nợ chung: Các đương sự thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[8] Về án phí: Bà Lê Thị Như N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[9] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 207, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Lê Thị Như N và ông Võ Quang P.
2. Về con chung: Không có.
3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Lê Thị Như N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007340 ngày 28/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Bà Lê Thị Như N đã nộp đủ án phí.

5. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản sao Bản án.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh L;
- VKSND huyện B;
- Cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu HS, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Miên

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Dương Thị Sáu - Đào Bá Lộc

Hồ Thị Miên

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Bến Lức;
- Cục THADS huyện Bến Lức;
- Các đương sự;
- Lưu HS, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hồ Thị Miên